

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,380 – 1,390 trong cả ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,386.97 điểm, tăng nhẹ hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin tăng mạnh hơn 3%, theo sau là ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng mạnh hơn 1.7 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể tiếp tục tiến về 1,400 trong sự rung lắc. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411F8000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 04/07/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.01** điểm, đóng cửa tại **1386.97** điểm. HNX-Index **+1.58** điểm, đóng cửa tại **232.51** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.60)**, **VCB (+0.97)**, **ACB (+0.54)**, **BID (+0.41)**, **BVH (+0.34)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.27)**, **VHM (-0.28)**, **GVR (-0.27)**, **BCM (-0.21)**, **DGC (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,906** tỷ đồng, giảm **-34.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,090 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 8.64 điểm. Thị trường có **204** mã tăng, 66 mã tham chiếu, **101** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1778.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (458.31 tỷ)**, **ACB (273.19 tỷ)**, **FUEVFNVD (161.35 tỷ)**, **MWG (131.55 tỷ)**, **HPG (114.75 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **74.54** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.61%**. Các mã diễn biến tích cực:
FPT (+3.81%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+2.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
ACB (+2.10%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+5.75%)
TCH (+5.56%) [\(Link báo cáo\)](#)
BVH (+3.58%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.61%	0.56%	0.36%	0.31%
1 tuần	1.19%	1.97%	1.13%	0.55%
1 tháng	5.80%	3.00%	3.06%	2.18%
3 tháng	16.77%	15.49%	14.56%	11.02%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,386.97	232.51	101.17
% 1D	0.36%	0.68%	0.31%
GTKL (tỷ VND)	19,906	1,500	448
%1D	-34.61%	-39.22%	-44.01%
GDNN (tỷ VND)	1778.84	74.54	-5.55

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	458.31	VIC	-135.73
ACB	273.19	GEX	-81.66
FUEVFNVD	161.35	GVR	-71.76
MWG	131.55	VHM	-47.65
HPG	114.75	VCG	-25.47

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

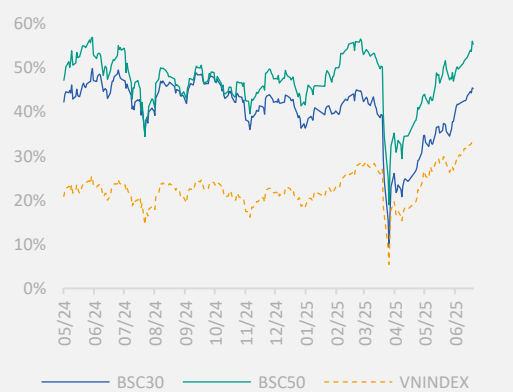
		%D	%W
SPX	6,279	0.83%	2.25%
FTSE100	8,794	-0.33%	-0.06%
Eurostoxx	5,288	-0.85%	-0.39%
Shanghai	3,472	0.32%	1.40%
Nikkei	39,811	0.09%	-0.82%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.90	-1.38%
Giá vàng	3,288	-0.03%
Tỷ giá		
USD/VND	26,370	0.09%
EUR/VND	31,661	-0.34%
JPY/VND	186	-0.53%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.00%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	122.50	3.81%	1.60	1.48
VCB	58.40	0.86%	0.97	8.36
ACB	21.85	2.10%	0.54	5.14
BID	36.55	0.69%	0.41	7.02
BVH	54.90	3.58%	0.34	0.74

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	14.00	9.38%	0.99	1.17
HUT	13.00	3.17%	0.24	0.89
CEO	18.00	2.86%	0.18	0.54
BAB	12.00	0.84%	0.06	0.96
SHS	13.50	0.75%	0.06	0.89

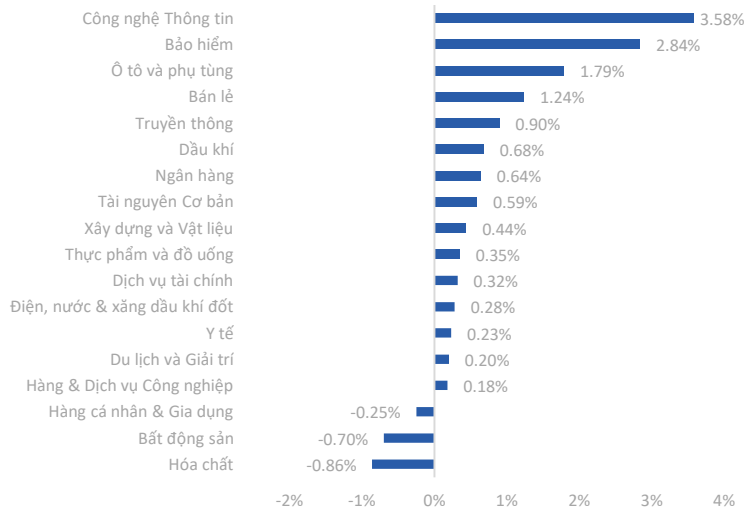
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TIX	38.50	6.94%	0.02	0.00
TTF	2.93	6.93%	0.02	4.73
LDG	3.71	6.92%	0.02	16.62
DLG	2.63	6.91%	0.01	4.77
PNC	27.10	6.90%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CAG	7.80	9.86%	0.04	0.02
CLM	79.80	9.77%	0.32	0.00
POT	19.20	9.71%	0.14	0.00
BBS	18.20	9.64%	0.04	0.00
DST	9.10	9.64%	0.11	1.34

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	91.90	-2.75%	-2.27	3.88
VHM	76.00	-0.39%	-0.28	4.11
GVR	29.30	-1.01%	-0.27	4.00
BCM	65.50	-1.36%	-0.21	1.04
DGC	102.00	-0.97%	-0.09	0.38

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	46.40	-2.93%	-0.29	0.33
HHC	123.30	-9.93%	-0.13	0.02
PVI	56.50	-1.22%	-0.10	0.23
VFS	20.90	-5.00%	-0.09	0.13
VCS	49.10	-1.21%	-0.06	0.16

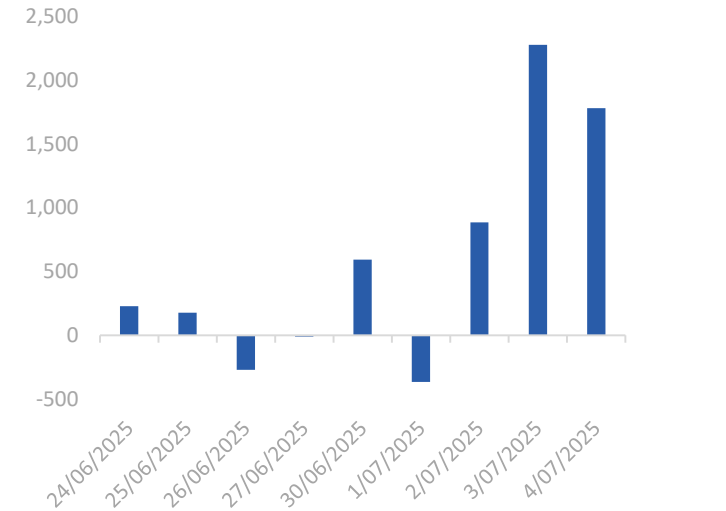
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GTA	9.30	-6.06%	0.00	0.00
TNC	28.10	-6.02%	-0.01	0.00
NVT	7.80	-5.45%	-0.01	0.00
SPM	10.60	-4.93%	0.00	0.00
CLC	49.75	-4.14%	-0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	123.30	-9.93%	-0.76	0.00
KDM	16.50	-9.84%	-0.05	0.01
TPH	11.00	-9.84%	-0.01	0.00
VC6	25.00	-9.75%	-0.10	0.00
HKT	9.50	-9.52%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	66.3	1.4%	1.5	98,032	409.4	2,977	22.3		48.5%	
KBC	Bất động sản	26.8	0.8%	1.5	25,239	88.4	1,618	16.6		18.0%	
KDH	Bất động sản	29.7	1.2%	1.2	30,031	110.6	896	33.1		35.1%	
PDR	Bất động sản	18.4	2.8%	1.6	16,648	396.5	179	102.3	23,600	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	76.0	-0.4%	1.1	312,163	244.4	7,766	9.8	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	122.5	3.8%	1.0	181,463	1644.6	5,612	21.8	136,500	40.4%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	0.6%	0.0	55,654	47.3	(37)	-488.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.2	0.3%	1.3	15,391	117.8	2,303	14.0	38,600	12.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.5	1.3%	1.6	25,379	343.4	1,373	17.1		37.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	25.9	0.6%	1.3	51,071	601.8	1,545	16.8		36.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.7	-0.3%	1.3	26,519	193.0	1,602	22.9		28.9%	
DCM	Hóa chất	33.4	-0.5%	1.3	17,682	116.4	2,805	11.9	37,800	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	102.0	-1.0%	1.5	38,737	143.8	8,224	12.4	109,300	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	21.9	2.1%	0.9	112,236	603.9	3,224	6.8	30,400	29.7%	Link
BID	Ngân hàng	36.6	0.7%	1.0	256,631	153.7	3,643	10.0	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	42.7	0.5%	1.0	229,299	235.0	4,806	8.9	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.0	78,814	298.3	3,985	5.7	26,400	16.4%	Link
MBB	Ngân hàng	26.0	0.2%	1.0	158,659	388.8	4,049	6.4	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.0%	1.1	31,590	130.7	2,150	5.7	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	47.1	0.9%	0.9	88,699	509.9	5,767	8.2		19.8%	
TCB	Ngân hàng	35.0	0.3%	1.2	246,917	436.8	3,013	11.6	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.8	0.0%	1.2	36,327	144.8	2,383	5.8	-	23.0%	Link
VCB	Ngân hàng	58.4	0.9%	0.6	487,971	289.2	4,063	14.4	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.4	0.3%	0.9	54,816	79.6	2,400	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	0.5%	0.9	148,761	470.5	2,030	9.2	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	23.3	0.7%	1.2	178,455	496.9	1,628	14.3	35,800	22.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	-0.9%	1.4	10,526	118.2	749	22.6	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.6	0.9%	1.6	11,580	234.0	3,930	8.8	32,200	6.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	74.6	0.1%	1.2	107,301	332.8	1,518	49.1	82,500	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.8	0.5%	0.5	120,799	155.5	4,194	13.8	64,500	48.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.8	0.11%	1.6	9,600	143.0	2,098	20.9	27.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	188.4	1.29%	1.2	25,668	215.0	3,279	57.5	32.3%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.9	3.58%	1.2	40,754	28.6	2,975	18.5	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	18.3	3.40%	1.5	11,797	523.2	303	60.2	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	17.1	1.18%	1.5	17,423	252.4	310	55.2	24.0%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.8	1.18%	1.3	4,593	218.9	443	58.2	3.5%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.4	0.20%	1.4	9,379	86.1	762	33.3	17.9%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	46.4	-2.93%	1.4	15,312	156.6	4,982	9.3	19.4%	31.2%	
NLG	Bất động sản	39.2	0.38%	1.5	15,076	130.7	1,827	21.4	47.2%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.0	0.15%	1.1	14,527	77.8	6,076	11.4	4.1%	29.7%	
SZC	Bất động sản	37.3	0.81%	1.3	6,713	90.9	2,036	18.3	3.1%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	20.9	5.56%	1.5	13,966	315.7	1,279	16.3	10.5%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	91.9	-2.75%	1.3	351,394	367.4	2,823	32.6	6.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.2	0.40%	1.0	57,149	116.0	1,844	13.6	17.9%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.4	1.35%	1.1	8,737	94.1	1,650	25.1	36.5%	12.4%	Link
PLX	Dầu khí	37.3	0.68%	0.9	47,330	34.8	1,535	24.3	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	20.2	1.26%	1.1	11,201	100.3	1,246	16.2	3.4%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.4	-1.01%	1.7	13,652	211.9	1,649	23.9	28.0%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.4	0.37%	1.7	15,694	105.2	1,650	16.6	6.2%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.4	0.30%	0.9	155,553	37.0	4,543	14.6	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	1.51%	1.0	31,498	222.8	546	24.6	3.3%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.6	-0.45%	1.0	36,074	41.6	3,922	17.0	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	89.8	0.90%	0.5	53,127	109.9	2,767	32.5	11.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.0	0.38%	1.5	36,096	578.0	1,954	20.5	9.4%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.5	0.00%	1.0	25,422	154.1	3,797	15.9	40.8%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.0	-1.00%	1.3	8,963	101.9	5,594	12.3	5.0%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	0.28%	1.2	8,412	22.7	2,293	7.8	9.8%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	121.0	3.07%	0.0	14,736	187.7	3,235	37.4	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.7	0.24%	1.1	27,945	31.8	6,105	13.6	49.0%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.0	-3.12%	0.9	3,473	66.2	2,608	11.9	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.9	-2.34%	1.4	2,562	50.2	2,580	8.1	17.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.5	-0.13%	1.2	15,047	132.9	1,223	31.4	7.8%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.3	-1.01%	1.6	117,200	150.3	1,174	25.0	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.4	0.86%	1.1	43,588	272.7	1,856	12.6	5.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.8	0.77%	0.5	97,833	99.2	3,333	9.8	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.2	1.18%	0.0	23,539	41.3	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	12.1	0.83%	1.0	29,836	46.7	1,189	10.2	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.7	0.00%	1.5	6,109	110.1	1,122	12.2	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.9	5.75%	1.7	6,364	84.3	612	39.1	2.7%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.8	-0.59%	0.8	10,261	65.6	1,385	24.4	3.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.4	0.32%	1.2	59,511	44.2	3,217	14.4	58.9%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.8	0.70%	1.4	12,973	69.9	5,567	10.4	22.4%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	139.0	-0.29%	1.1	11,379	13.0	13,288	10.5	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.2	1.20%	1.6	8,414	72.0	3,238	26.0	48.7%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	101.7	1.19%	1.3	11,633	49.5	4,754	21.4	10.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	2.08%	1.4	4,455	74.2	2,336	18.9	7.2%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	0.81%	1.5	5,922	92.0	1,086	11.5	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	0.46%	1.3	7,814	32.2	1,237	17.7	15.2%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-0.65%	1.4	14,772	219.8	915	25.0	8.5%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.3	-0.67%	1.5	19,862	43.0	2,720	16.3	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>